

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRỌNG KHÁNH

**TÁC ĐỘNG CỦA CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO NÔNG NGHIỆP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Mã số: 9310105**

HÀ NỘI - 2026

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Vũ Thanh Sơn



2. TS. Nguyễn Thị Hải Hà



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng Chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi ... giờ... ngày ... tháng ... năm 202..

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế thế giới, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nhất là tại các khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa. Mặc dù công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang trở thành xu hướng tất yếu diễn ra nhanh chóng trong các thập kỷ vừa qua và có tác động rất lớn tới ngành nông nghiệp, nhưng vai trò, vị thế và tầm quan trọng của ngành nông nghiệp vẫn ngày càng được khẳng định rõ hơn trong bối cảnh nhiều biến động hiện nay. Nhiều quốc gia chú trọng việc phát triển ngành nông nghiệp ổn định, bền vững, xem đây là chiến lược có ý nghĩa quan trọng then chốt chủ động đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung nông sản từ nhập khẩu.

Tại Việt Nam, ngành nông nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng tích cực trong thời gian dài, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, đồng thời là cơ sở giúp đất nước chủ động đảm bảo an ninh lương thực, xuất khẩu sang thị trường thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn bùng phát đại dịch COVID-19, tình hình kinh tế xã hội của đất nước gặp nhiều thách thức, các ngành sản xuất kinh doanh chịu tác động lớn, ngành nông nghiệp là điểm sáng, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, nền tảng quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch, trở thành điểm tựa cho nền kinh tế. Theo số liệu của Cục Thống kê, trong giai đoạn nền kinh tế chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 các năm 2020-2021 thì ngành nông nghiệp vẫn duy trì mức tăng trưởng lần lượt là 2,68% và 2,9%, đóng góp 13,5% và 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế và trở thành trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế, đảm bảo các vấn đề xã hội, dân sinh; bên cạnh đó, ngành Nông nghiệp tạo ra việc làm và sử dụng gần 30% lực lượng lao động cả nước.

Tuy nhiên, ngành Nông nghiệp hiện nay đối mặt với khó khăn, thách thức ngày một nhiều hơn. Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa diễn ra nhanh chóng làm thu hẹp diện tích sản xuất nông nghiệp; lực lượng lao động chuyển dịch nhanh từ khu vực nông thôn sang thành thị, từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp, dịch vụ; một bộ phận không nhỏ lao động trong ngành nông nghiệp là lao động giản đơn, chưa qua đào tạo hoặc có trình độ đào tạo không cao nên khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn rất hạn chế, năng suất chất lượng thấp, quy mô còn manh mún; bên cạnh đó là tác động từ thời tiết, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...

Nhận thức được tầm quan trọng cũng như những khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành Nông nghiệp, việc quan tâm nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp là cần thiết, chỉ tiêu cho phát triển nông nghiệp là tư duy chiến lược

quốc gia. Tại Việt Nam, xác định mục tiêu ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập quốc dân, cải thiện đời sống nhân dân, cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý, khuyến khích huy động các nguồn lực cho phát triển Nông nghiệp; đồng thời, phân bổ một khoản chi ngân sách nhà nước để trực tiếp thực hiện các nội dung hỗ trợ tăng trưởng ngành Nông nghiệp. Việc phân bổ chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp phụ thuộc vào các mục tiêu, định hướng cụ thể trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển của ngành trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Bởi vậy, việc nghiên cứu các khía cạnh, nội hàm, điều kiện, yếu tố tác động đến tăng trưởng ngành nông nghiệp, cũng như các vấn đề về quy trình, nội dung và tác động của chi ngân sách nhà nước đối với ngành nông nghiệp luôn cần thiết, mang tính thời sự, là vấn đề chính sách kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Theo tìm hiểu của Nghiên cứu sinh, từ trước đến nay, nhiều công trình nghiên cứu về các nội dung trên, một số nghiên cứu trực tiếp tới vấn đề nội dung, hiệu quả của chi ngân sách nhà nước đối với ngành nông nghiệp. Các công trình này đã cung cấp lý luận cơ bản về tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu hầu hết đều chỉ ra rằng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp có tác động thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, mức độ tác động đối với tăng trưởng nông nghiệp khác nhau giữa các nội dung chi ngân sách nhà nước, phụ thuộc vào điều kiện thực tế của các quốc gia. Bên cạnh đó, hầu hết các nghiên cứu chỉ tập trung vào một góc độ nhất định của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp mà chưa xem xét dưới tổng thể các nội dung chi.

Từ các lý do trên, Nghiên cứu sinh lựa chọn luận án với đề tài *“Tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đối với tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam”* với mong muốn nghiên cứu về tổng thể các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp cập nhật đến nay và đánh giá tác động trong điều kiện thực tế Việt Nam, những vấn đề bất cập còn tồn tại và khuyến nghị các giải pháp để thúc đẩy các tác động tích cực, hạn chế các tác động bất lợi của chi ngân sách nhà nước đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp.

2. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án

Đánh giá tác động, nhận diện các vấn đề thực trạng, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy các tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp trong thời gian tới, đáp ứng bối cảnh mới tới năm 2030, tầm nhìn tới năm 2045.

2.2. Đối tượng nghiên cứu của luận án: Tác động của chi ngân sách nhà

nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam.

2.3. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Phạm vi về không gian: toàn nền kinh tế quốc dân.
- Phạm vi về thời gian: Số liệu thu thập từ năm 2011 đến nay; các giải pháp định hướng tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn dữ liệu

- Nguồn dữ liệu thứ cấp: thu thập từ hệ thống dữ liệu của Cục Thống kê; kho dữ liệu ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính; một số báo cáo, tài liệu nghiên cứu của các Trường, Viện, các học giả, nhà khoa học trong và ngoài nước;...

- Nguồn dữ liệu sơ cấp: Từ kết quả điều tra khảo sát tại địa bàn một số tỉnh/thành phố (trước sáp nhập), đảm bảo tính đặc trưng về mặt địa hình (đồi núi, đồng bằng, ven biển), vị trí địa lý (miền bắc, trung, nam), là các địa phương có tiềm năng phát triển ngành đa dạng, cả nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Đối tượng khảo sát gồm cả đối tượng thực thi chính sách và đối tượng thụ hưởng chính sách.

3.2. Phương pháp phân tích thông tin, dữ liệu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu cả định tính và định lượng, như: Phương pháp phân tích – tổng hợp; phương pháp thống kê mô tả; phương pháp logic – lịch sử và sử dụng mô hình kinh tế lượng.

4. Những điểm mới của luận án

4.1. Về lý luận

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, rút ra khái niệm cụ thể về *chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp và tăng trưởng nông nghiệp* dựa trên lý luận chung về ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế.

Xây dựng khung phân tích dựa trên các kênh tác động, cơ chế tác động, góp phần nâng cao nhận thức hệ thống hoạt động chi ngân sách nhà nước cho tăng trưởng nông nghiệp trong tổng hòa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dựa vào tư duy kinh tế phát triển.

4.2. Về thực tiễn

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, dựa trên dữ liệu thứ cấp được thu thập đến năm 2025 và dữ liệu sơ cấp thu thập thông qua các phiếu điều tra, đảm bảo tính cập nhật, thời sự, trong điều kiện thực tế của Việt Nam giai đoạn nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng, nhận diện các vấn đề hạn chế, bất cập của chi ngân sách nhà nước đối với ngành nông nghiệp, đề xuất các giải pháp hoàn thiện chi ngân sách nhà nước phù hợp cho tăng trưởng nông nghiệp, góp phần thúc đẩy tác động tích cực, hạn chế các tác động tiêu

cực trong thời gian tới; trong đó trực tiếp đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật ngân sách nhà nước, hướng tới mục tiêu giúp quy trình ngân sách cho nông nghiệp đạt kết quả tốt hơn, thuận lợi hơn. Đây là những đề xuất mới, có giá trị tham khảo với các cơ quan nhà nước trong quá trình hoàn thiện thể chế; đồng thời, là vấn đề mang tính thời sự, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và các yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

5. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận án được bố cục thành 4 chương.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI TÁC ĐỘNG CỦA CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đánh giá tác động của chi ngân sách nhà nước đến tăng trưởng nông nghiệp

Luận án đã tổng quan nhiều công trình nghiên cứu trước đây có nội dung liên quan, như: nghiên cứu của K.N.Selvaraj (1993), Jirawat Jaroensathapornkul và Sopin Tongpan (2007), Phạm Thế anh (2008), Bingxin Yu và cộng sự (2014), Trần Viết Nguyên (2015), Nguyễn Huy Chí (2016), Cesar Augusto Lopez và cộng sự (2017), Phạm Thu Thủy (2018), Nguyễn Thị Ngọc Nga (2019), Samuel Benin (2019), Hoàng Thị Việt (2020), Phạm Văn Hào (2022), Võ Thế Trường (2023); các nghiên cứu, báo cáo tổng quát của các tổ chức quốc tế như: Ngân hàng thế giới, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế OECD, Tổ chức Lương thực và nông nghiệp Liên Hợp quốc FAO,... theo 03 nhóm vấn đề nghiên cứu, gồm:

- (1) Các nghiên cứu liên quan đến phạm vi, nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp và tăng trưởng nông nghiệp;
- (2) Các nghiên cứu liên quan đến đánh giá tác động của chi ngân sách nhà nước đối với tăng trưởng các ngành kinh tế và tăng trưởng ngành nông nghiệp;
- (3) Các nghiên cứu liên quan đến quy trình ngân sách, giải pháp hoàn thiện chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, thúc đẩy các tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp.

1.2. Đóng góp của các công trình nghiên cứu đã công bố

Thứ nhất, về cơ sở lý luận, đã cung cấp cơ sở lý luận một cách có hệ thống về chi ngân sách nhà nước và khái niệm tăng trưởng ngành nông nghiệp. Đồng thời, đã mô tả bức tranh tổng quát về phạm vi, nội dung chi ngân sách

nhà nước cho ngành nông nghiệp vấn đề này.

Thứ hai, về phương pháp nghiên cứu, được sử dụng tương đối đa dạng, bao gồm các phương pháp định tính như thống kê, mô tả, so sánh, điều tra phỏng vấn và phương pháp định lượng dựa trên hàm sản xuất Cobb-Douglas. Tuy nhiên, phương pháp định tính thường được sử dụng nhiều hơn.

Thứ ba, về nội dung nghiên cứu, các công trình nghiên cứu trước đây đã tập trung đánh giá tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp (trên góc độ tổng chi, cũng như một số nội dung chi cụ thể) đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp; đã phân tích ở các mức độ khác nhau về chu trình chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp.

Thứ tư, nguồn số liệu được sử dụng gồm dữ liệu thứ cấp thu thập từ các cơ quan chức năng và nguồn số liệu sơ cấp thu thập qua công tác điều tra khảo sát. Ngân hàng Thế giới (2011) khuyến nghị rằng việc thu thập số liệu từ Bộ Tài chính sẽ đảm bảo tính chính xác và đầy đủ cao hơn.

Thứ năm, về kết quả nghiên cứu, phần lớn đều đưa ra kết quả chi ngân sách nhà nước có tác động tích cực hỗ trợ tăng trưởng; tuy nhiên, mức độ tác động khác nhau giữa các nội dung chi và giữa các khu vực, quốc gia. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra một số hạn chế trong chu trình ngân sách ảnh hưởng tới kết quả tác động, như: thiếu liên kết trong quy trình ngân sách, lập dự toán chưa sát, chưa tuân thủ các chế độ chi tiêu và cơ chế đánh giá hiệu quả, kết quả đầu ra.

1.3. Khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong Luận án

Qua phân tổng quan, mặc dù nhiều khía cạnh, góc độ tiếp cận của vấn đề đã được các công trình nghiên cứu trước đây tìm hiểu, đánh giá, tuy nhiên, Nghiên cứu sinh thấy rằng có một số khoảng trống cần tiếp tục xem xét, như:

Một là, tác động của chi ngân sách nhà nước đối với ngành nông nghiệp là khác nhau giữa các quốc gia, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ sản xuất nông nghiệp từng thời kỳ, các nội dung và cơ chế thực thi ... Bởi vậy, cần nghiên cứu trong điều kiện thực tế Việt Nam, dựa trên các số liệu cập nhật đến nay để đưa ra các nhận định, giải pháp phù hợp.

Hai là, các nghiên cứu trước đây thường xem xét riêng rẽ một hoặc một vài nội dung chi ngân sách cho nông nghiệp; một số nghiên cứu chỉ được thực hiện tại một địa phương của Việt Nam. Các nghiên cứu xem xét tổng thể các nội dung chi ngân sách nhà nước và đánh giá trong phạm vi toàn quốc còn hạn chế.

Ba là, nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra những bất cập trong quy trình ngân sách hiện nay nhưng các giải pháp đề xuất còn mang tính chung chung, định hướng. Cần có các nghiên cứu, đánh giá và đề xuất cụ thể các nội dung cần sửa đổi về thể chế, cũng như trong tổ chức thực hiện để tăng tính hiệu quả, phát huy tác động tích cực của các khoản chi ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TÁC ĐỘNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp

- Khái niệm: *chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp* là toàn bộ các khoản chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm hoặc trung và dài hạn 03 năm, 05 năm), do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước quản lý, điều hành và hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp trong tổng thể mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

- Chức năng, vai trò: là công cụ để Nhà nước quản lý, điều tiết, hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp trong tổng thể mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Về mặt kinh tế, thông qua các khoản chi ngân sách nhà nước, Nhà nước tác động tới hoạt động kinh tế nông nghiệp đảm bảo quá trình tăng trưởng phù hợp với định hướng của Nhà nước từng thời kỳ. Về mặt thị trường, là công cụ để Nhà nước can thiệp và điều tiết thị trường mua bán nông sản, bình ổn giá nông sản,... Về mặt xã hội, ngân sách nhà nước là công cụ để Nhà nước phân phối lại thu nhập, xử lý các vấn đề xã hội như: xử lý ô nhiễm môi trường, hỗ trợ đối tượng khó khăn, yếu thế, giảm bất bình đẳng,...

- Phân loại chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp: Có thể phân loại theo nhiều cách khác nhau phụ thuộc vào mục tiêu quản lý, nghiên cứu, đánh giá. Có thể kể đến một số cách phân loại như:

+ *Theo ngành kinh tế*, gồm: Chi ngân sách nhà nước cho tiểu ngành nông nghiệp; chi ngân sách nhà nước cho tiểu ngành lâm nghiệp và chi ngân sách nhà nước cho tiểu ngành ngư nghiệp.

+ *Theo tính chất chi*, gồm: chi đầu tư phát triển cho ngành nông nghiệp; chi thường xuyên cho ngành nông nghiệp.

+ *Theo nội dung chi*, gồm: chi cho thông tin tuyên truyền trong nông nghiệp; chi cho nghiên cứu khoa học công nghệ trong nông nghiệp; chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong nông nghiệp; chi hỗ trợ đầu tư hạ tầng sản xuất nông nghiệp và chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế nông nghiệp. Trong phạm vi Luận án, chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp được nghiên cứu theo 05 nội dung chi phân loại như trên.

- Các yếu tố ảnh hưởng: Chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp là

chính sách kinh tế - xã hội, chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác nhau phụ thuộc đặc trưng mỗi quốc gia. Việc chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp là quá trình Chính phủ ra quyết định chi dựa trên việc trả lời 02 câu hỏi: *Thứ nhất*, chi cho mục tiêu, nhiệm vụ gì? và *Thứ hai*, chi như thế nào?

Để giải quyết câu hỏi đặt ra thứ nhất, hai yếu tố tác động chính gồm: (i) *Một là*, chủ trương, đường lối, mục tiêu phát triển trong từng thời kỳ và (ii) *Hai là*, việc cụ thể các chủ trương, định hướng thành kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp; đây là yếu tố quan trọng, căn cứ pháp lý để thực hiện việc phân bổ ngân sách cho ngành nông nghiệp.

Đối với câu hỏi thứ hai, chịu ảnh hưởng của các yếu tố chủ yếu gồm: (i) *Một là*, quy định của pháp luật, các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, chế độ chi tiêu ngân sách và (ii) *Hai là*, khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

2.1.2. Tăng trưởng nông nghiệp

- Khái niệm: tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định. Tăng trưởng có thể được tính toán trong nhiều chu kỳ thời gian khác nhau: theo năm, theo quý,... tùy thuộc vào mục tiêu so sánh, đánh giá của cơ quan quản lý. Đối với ngành nông nghiệp, một khi sản lượng ngành nông nghiệp gia tăng theo thời gian thì ngành nông nghiệp đạt trạng thái tăng trưởng. Hay nói cách khác, *tăng trưởng nông nghiệp là sự gia tăng quy mô sản lượng ngành nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định.*

- Vai trò của tăng trưởng nông nghiệp: *Thứ nhất*, tăng trưởng nông nghiệp đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, thịnh vượng chung của quốc gia. *Thứ hai*, tăng trưởng nông nghiệp đảm bảo vấn đề an ninh lương thực, giảm sự phụ thuộc vào các nước khác, trở thành bệ đỡ của nền kinh tế trong khủng hoảng. *Thứ ba*, tăng trưởng nông nghiệp góp phần tham gia giải quyết các vấn đề xã hội như: tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường,...

- Phương pháp xác định tăng trưởng nông nghiệp: Một trong các chỉ tiêu thường được sử dụng để đo lường tăng trưởng kinh tế là *Tổng sản phẩm quốc nội GDP*. Có nhiều cách tính GDP khác nhau dựa trên góc độ tiếp cận, từ góc độ sản xuất, chi tiêu hoặc góc độ thu nhập.

2.1.3. Tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp

- Đánh giá kênh tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp

Nhà nước sử dụng bộ máy và quỹ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp, từ đó tác động đến ngành nông nghiệp. Hay nói cách khác, đây là các kênh tác động của chi ngân sách nhà nước đến ngành nông nghiệp. Trong phạm vi Luận án, các nội dung chi ngân sách nhà nước cho

nông nghiệp được xem xét dựa trên một số nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp đã được thực thi thời gian qua và phân nhóm phù hợp với các lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại Luật ngân sách nhà nước hiện hành, gồm: (1) *Nội dung hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất*, (2) *Nội dung hỗ trợ thông tin tuyên truyền*, (3) *Nội dung hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ, kỹ thuật*, (4) *Nội dung hỗ trợ đào tạo nghề*, (5) *Nội dung hỗ trợ hoạt động kinh tế nông nghiệp*.

Chỉ tiêu đánh giá kênh tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp: Việc đánh giá các kênh tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp sẽ tiếp cận theo 02 chu trình chính sách, gồm: chu trình chính sách hỗ trợ nông nghiệp và chu trình ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp. Việc đánh giá nhằm mục tiêu phân tích về tính hợp lý, hiệu quả trong quy trình ban hành, thực thi các chính sách hỗ trợ ngành nông nghiệp và tính hợp lý của quy trình chi ngân sách nhà nước hiện hành. Đây là các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mức độ tác động của chi ngân sách nhà nước đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp.

- Đánh giá kết quả tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp

Chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng ngành nông nghiệp trong phạm vi Luận án được xem xét qua 03 chỉ tiêu là sản lượng nông sản, giá bán nông sản và chi phí sản xuất nông sản. Các công trình nghiên cứu, tài liệu tham khảo trước đây đã nhận diện và đánh giá tác động của một hoặc một số nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp. Nhà nước thực hiện các nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp, tác động làm thay đổi các yếu tố của quy trình sản xuất, từ đó làm tăng năng suất, chất lượng nông sản, giảm các chi phí trung gian, ngành nông nghiệp có tăng trưởng.

- Mô hình kinh tế lượng

Một trong các mô hình kinh tế lượng thường được sử dụng để đánh giá tác động của các yếu tố đầu vào đến tăng trưởng là mô hình hàm sản xuất của Cobb-Douglas. Trong phạm vi Luận án, giả định các yếu tố khác không thay đổi, hay nói cách khác là trong cùng điều kiện nghiên cứu, sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để đánh giá tác động của từng nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp, công thức tổng quát như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_n X_n + \epsilon$$

Trong đó:

- Y Là biến phụ thuộc (tăng trưởng nông nghiệp)
- β_0 là hằng số
- $\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_n$ là các hệ số hồi quy
- $X_1, X_2, \dots, X_n$ là các biến độc lập (tương ứng với các nội dung chi ngân

sách nhà nước cho ngành nông nghiệp).

- ϵ là sai số
- **Kiểm định thống kê:** Thực hiện các kiểm định t và kiểm định F để kiểm tra ý nghĩa thống kê của các hệ số hồi quy và mô hình. Các kiểm định này sẽ cho biết biến nào có ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng nông nghiệp.
- **Đánh giá mô hình:** Sử dụng các chỉ số như R-squared và P-value để đánh giá độ phù hợp của mô hình và mức độ giải thích của các biến độc lập đối với biến phụ thuộc.

Giả thiết nghiên cứu là các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp có tác động tích cực đối với tăng trưởng nông nghiệp. Nguồn số liệu là các số liệu thứ cấp theo dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

2.2. KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM.

Luận án đã phân tích kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, từ nước có nền kinh tế phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, nước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc và nước láng giềng có những điều kiện vị trí địa lý, khí hậu giống Việt Nam như Thái Lan, cho thấy việc sử dụng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp là một công cụ hiệu quả tác động hỗ trợ tăng trưởng, phát triển ngành nông nghiệp. Từ kinh nghiệm của các nước, Việt Nam có thể tận dụng một số bài học về phân bổ, quản lý, sử dụng chi ngân sách hỗ trợ tăng trưởng nông nghiệp như sau:

Thứ nhất, cần ưu tiên bố trí chi ngân sách nhà nước cho các nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp. Quy mô bố trí ngân sách cần phải đủ lớn (Hàn Quốc là 6% GDP; Nhật Bản là 23% tổng chi ngân sách nhà nước) sẽ có tác động thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Thứ hai, cần tăng cường nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học công nghệ; khuyến khích ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp hiện đại, nghiên cứu các giống cây trồng vật nuôi năng suất cao, kháng bệnh tốt;... nhằm tăng sản lượng, chất lượng nông sản, thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp và giảm thiểu rủi ro cho sản xuất.

Thứ ba, ưu tiên nội dung chi ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao, tiến tới làm chủ các công nghệ hiện đại, đẩy mạnh công nghiệp hóa trong nông nghiệp.

Thứ tư, triển khai hợp lý, hiệu quả nội dung chi ngân sách nhà nước hỗ trợ các hoạt động kinh tế nông nghiệp, nhằm tạo động lực thúc đẩy trực tiếp các khâu trong quá trình sản xuất nông nghiệp, trong đó có các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại; hỗ trợ kết nối nông sản với doanh nghiệp – thị trường; nghiên cứu ban hành cơ chế đấu giá mua nông sản công khai, đảm bảo đầu ra cho nông sản, từng bước khắc phục tình trạng được mùa mất giá. Phân bổ chi ngân sách

nhà nước để thực hiện nội dung hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp và các nội dung hỗ trợ chủ thể sản xuất phòng ngừa rủi ro, ổn định giá cả và điều tiết hợp lý thị trường cũng mang lại những tác động tích cực.

Thứ năm, bố trí chi ngân sách nhà nước cho nội dung hỗ trợ đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp là nội dung quan trọng, đảm bảo điều kiện cho sản xuất (như các hạ tầng về thủy lợi, tưới tiêu, chống xâm nhập mặn,...), tạo thuận lợi trong giao thông vận tải, vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa, nông sản giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, sức lao động, hỗ trợ tích cực cho ngành nông nghiệp. Đồng thời, hạ tầng hoàn chỉnh sẽ tăng tính hấp dẫn thu hút các nguồn vốn đầu tư thêm cho ngành nông nghiệp.

Thứ sáu, ngoài các nội dung chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước, kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy có thể thực hiện nhiều hình thức hỗ trợ khác, sử dụng ngân sách nhà nước một cách gián tiếp (như ưu đãi về thuế, phí, tín dụng, đất đai...). Tuy nhiên, trong phạm vi Luận án chưa xem xét đến các hình thức hỗ trợ này.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP VÀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

3.1.1. Thực trạng tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam

Giai đoạn 2011-2025 là giai đoạn kinh tế Việt Nam cũng như thế giới có nhiều biến động, rủi ro, thách thức chưa có tiền lệ. Mặc dù vậy, tăng trưởng kinh tế Việt Nam nói chung và tăng trưởng ngành nông nghiệp nói riêng vẫn là điểm sáng. Bình quân giai đoạn, tăng trưởng ngành nông nghiệp khoảng 3,2%, nhưng tốc độ tăng trưởng không đều, cao/thấp khác nhau từng năm. Có thể thấy rằng, ngành nông nghiệp Việt Nam đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, duy trì được tốc độ tăng trưởng tích cực trong cả giai đoạn, đóng góp vào thành tựu kinh tế - xã hội chung của đất nước, ngày càng khẳng định rõ hơn vai trò trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế.

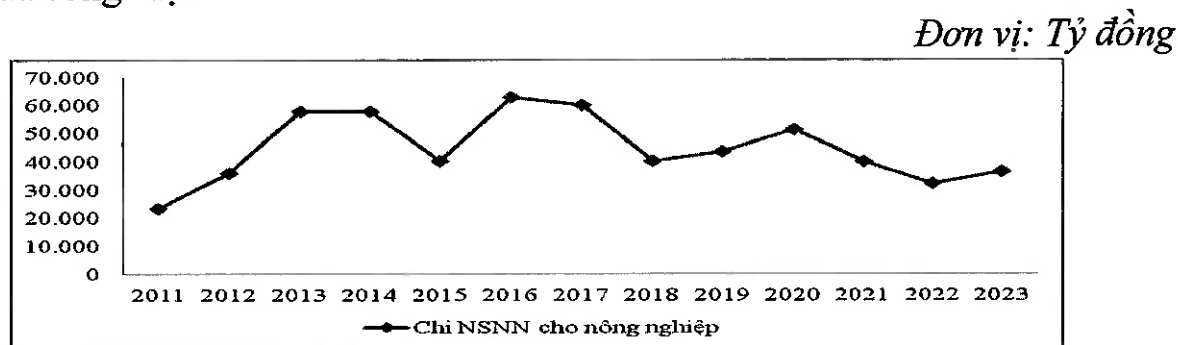
Mặc dù ngành nông nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực trong giai đoạn nghiên cứu, nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ. Tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế có xu hướng giảm dần, từ mức 15-16% trong những năm đầu kỳ nghiên cứu thì gần đây giảm còn 11-12%; trong khi tỷ trọng các ngành

công nghiệp – xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng dần, phù hợp với quá trình phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển đất nước.

3.1.2. Thực trạng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp

Đánh giá giai đoạn 2011-2023, chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp không phản ánh xu hướng tăng hoặc giảm rõ ràng, biến động lớn qua từng năm, do nhiều nguyên nhân, như: nguồn lực ngân sách nhà nước có hạn; việc lựa chọn các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...

Thiếu các cam kết vững chắc trong bố trí nguồn lực là một trong những nguyên nhân có tác động lớn tới hiệu quả triển khai các nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp, các cơ quan, đơn vị luôn trong tình trạng bị động về kế hoạch nguồn lực, thực hiện năm nào biết năm đó và năm tiếp theo hoàn toàn có thể bị cắt giảm lớn nguồn kinh phí so với nhu cầu đề xuất, ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả công việc.



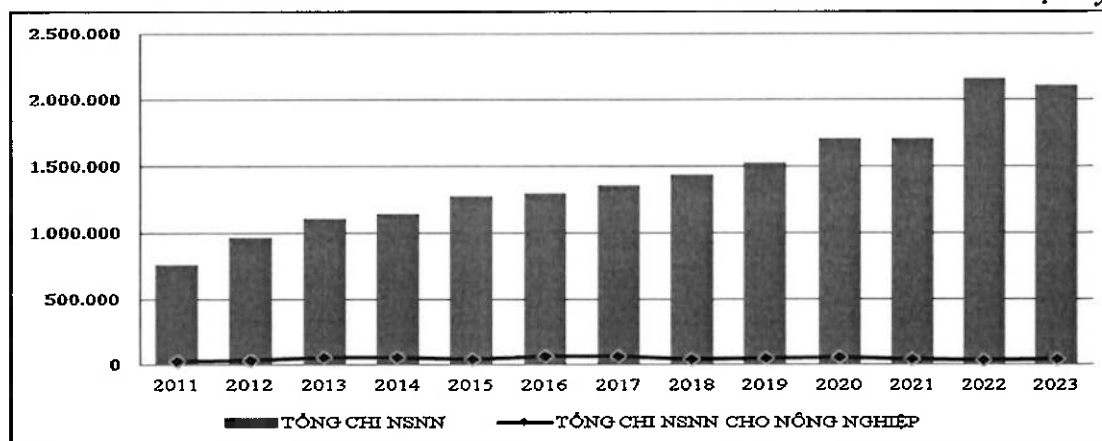
Hình 1: Tổng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2023

Nguồn: số liệu tổng hợp từ Kho ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính

Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp có xu hướng giảm tương đối rõ rệt, từ mức 3-5% tổng chi ngân sách trong những năm đầu thời kỳ nghiên cứu (cao nhất là năm 2013 đạt 5,22% tổng chi ngân sách nhà nước) giảm còn khoảng trên 1% vào các năm 2022 - 2023. Mức phân bổ kinh phí nêu trên là rất thấp nếu so với một số quốc gia đã được nêu tại phần tổng quan, như Nhật Bản phân bổ đến 23% chi ngân sách nhà nước, Hàn Quốc phân bổ khoảng 6% GDP... Điều này cho thấy ngành nông nghiệp chưa thực sự là mục tiêu ưu tiên phân bổ kinh phí của Nhà nước.

Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp có thể còn giảm thấp hơn trong các năm tới, do phần lớn nguồn lực đầu tư của Nhà nước tập trung bố trí cho các công trình trọng điểm quốc gia như dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam, đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, mục tiêu đạt 5.000 km cao tốc vào năm 2030, triển khai sân bay Gia Bình,... Điều này đặt ra vấn đề ngành nông nghiệp phải tập trung cơ cấu lại các mục tiêu, nội dung chi, sắp xếp trong phạm vi nguồn lực để ưu tiên các nhiệm vụ cấp bách, các chương trình, dự án mang tính đột phá, hiệu quả cao, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành.

Đơn vị: Tỷ đồng

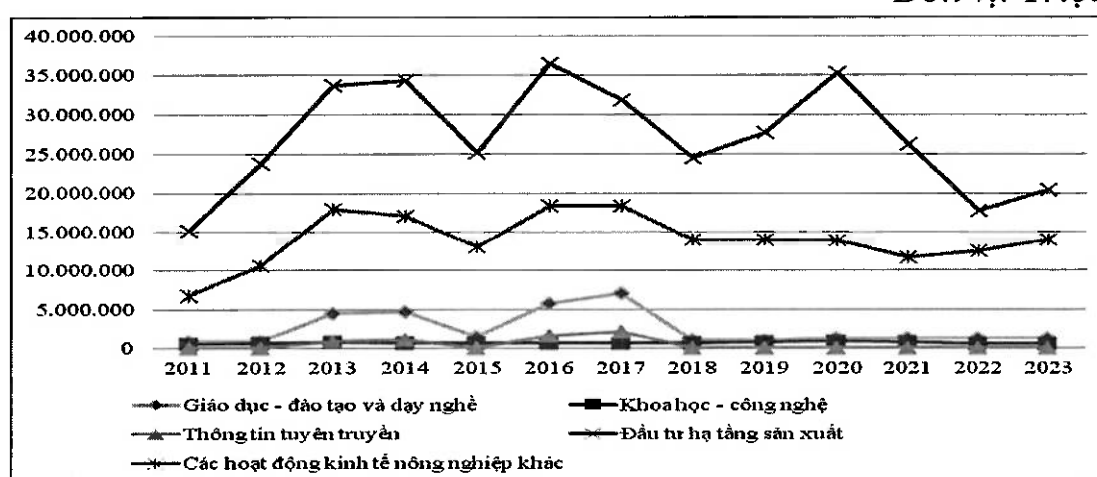


Hình 2: Chi cho ngành nông nghiệp so tổng chi ngân sách nhà nước

Nguồn: tổng hợp từ Kho ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính

Xét về cơ cấu các nội dung chi, tổng giai đoạn 2011-2023, nội dung hỗ trợ đầu tư hạ tầng nông nghiệp chiếm khoảng 61% tổng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nội dung hỗ trợ các hoạt động kinh tế nông nghiệp chiếm khoảng 31% và các nội dung còn lại chiếm khoảng 8% tổng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp. Cơ cấu nội dung chi ngân sách hỗ trợ ngành nông nghiệp như trên có thể đánh giá tương đối tích cực. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng (như: hệ thống tưới tiêu, thủy lợi, đê điều, giao thông nội đồng,...) được chú trọng và chiếm tỷ trọng cao nhất là xu hướng phù hợp, hoàn thiện cơ sở, tài sản kết cấu hạ tầng nông nghiệp, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Các nội dung hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ và giáo dục - đào tạo - dạy nghề chiếm tỷ trọng quá thấp là vấn đề cần quan tâm xem xét.

Đơn vị: Triệu đồng



Hình 3: Các nội dung chi ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp

Nguồn: tổng hợp từ Kho ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính

Xét theo từng địa phương, nguồn lực ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp của từng địa phương là rất hạn chế; một số địa phương có tiềm năng lớn về nông nghiệp, như các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, nhưng chủ yếu là các tỉnh thu ngân sách thấp, nguồn lực hạn chế, có mức bố trí ngân sách nhà nước cho nông nghiệp thuộc nhóm thấp trong cả nước. Điều này sẽ khó mang lại các tác động tích cực, hoặc mức tác động không đáng kể.

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, một trong đó xuất phát từ thể chế pháp luật quy định về phân cấp ngân sách hiện nay. Mỗi cấp ngân sách có nguồn thu, nhiệm vụ chi độc lập, việc phân bổ ngân sách của mỗi tỉnh do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền và thiếu cơ chế điều hòa giữa các địa phương. Bên cạnh đó, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách cho từng cấp hiện hành chủ yếu dựa theo các tiêu chí về dân số, diện tích, không gắn với các mục tiêu phát triển các ngành kinh tế, chưa tính đến những đặc thù ưu tiên cần có cho riêng ngành nông nghiệp. Đây là vấn đề về thể chế pháp luật, cần được nghiên cứu, đánh giá và sửa đổi trong thời gian tới để tháo gỡ điểm nghẽn về nguồn vốn ngân sách hỗ trợ ngành nông nghiệp cả nước.

3.1.3. Đánh giá chu trình chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp tại Việt Nam

Chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp là một bộ phận của chi ngân sách nhà nước; chu trình ngân sách nhà nước cho nông nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước chung, gồm các bước: (i) lập dự toán ngân sách nhà nước; (ii) phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước và (iii) quyết toán ngân sách nhà nước. Đánh giá hệ thống pháp luật về tài chính, ngân sách nhà nước của Việt Nam ngày càng được hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ, công khai, minh bạch, tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gắn với tự chủ, tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình. Quy trình lập dự toán chi ngân sách nhà nước gồm rất nhiều bước, thủ tục khác nhau, trong khi thời gian thực hiện rất ngắn. Điều này đặt ra nhiều vấn đề về tính hợp lý, chính xác, đầy đủ, thực chất của số liệu dự toán giao.

Hình 4: Chu trình chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp

ST T	Nội dung	Thg 1	Thg 2	Thg 3	Th g 4	Thg 5	Thg 6	Thg 7	Thg 8	Thg 9	Thg 10	Thg 11	Thg 12	Cơ quan thực hiện	Cấp trình
I	Tổ chức chi ngân sách năm hiện hành														Các đơn vị sử dụng ngân sách
II	Đề xuất chi ngân sách năm tiếp theo														
1	Ban hành hướng dẫn xây dựng dự toán														Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị) Bộ Tài chính (Thông tư)
2	Lập đề xuất dự toán													Đơn vị	Cơ quan cấp trên
3	Gửi nhu cầu, rà soát, thẩm định													Các cơ quan	Cơ quan tài chính
4	Báo cáo cấp có thẩm quyền													Cơ quan tài chính	- Chính phủ - Bộ Chính trị - Ban chấp hành Trung ương - Cơ quan của Quốc hội - Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Quốc hội
5	Thông qua ngân sách														Quốc hội
6	Giao dự toán ngân sách														Thủ tướng Chính phủ (Quyết định) Bộ Tài chính
7	Phân bổ chi tiết, kiểm tra phân bổ													Cơ quan, đơn vị	Cơ quan tài chính

Nguồn: Nghiên cứu sinh đề xuất căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước

Sử dụng phương pháp điều tra khảo sát với đối tượng là cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước, kết quả 100% ý kiến khảo sát đánh giá hệ thống pháp luật hướng dẫn về ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đã đầy đủ.

Tuy nhiên, trên 30% ý kiến đánh giá rằng quá trình thực hiện là phức tạp, thậm chí nhiều ý kiến đánh giá là rất phức tạp. Đây là tỷ lệ khá lớn, cho thấy sự cần thiết có nghiên cứu, đánh giá lại đầy đủ về quy trình ngân sách nhà nước và có hướng xử lý trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật ngân sách tới đây.

Việc còn khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân có thể do quá trình phát triển kinh tế luôn biến đổi không ngừng trong khi việc sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật thường kéo dài, có độ trễ nhất định. Đồng thời, hệ thống pháp luật về ngân sách nhà nước được xây dựng từ góc nhìn của cơ quan tài chính, với mục tiêu “quản lý”, “kiểm tra”, “giám sát” việc sử dụng ngân sách; vì vậy, các cơ quan chuyên môn khi thực hiện quy trình ngân sách có thể sẽ cảm thấy những vấn đề khó khăn, phức tạp.

Để làm rõ hơn những quy định được đánh giá là chưa phù hợp, tổng hợp ý kiến khảo sát đã chỉ ra một số vấn đề còn khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy trình ngân sách, cả trong khâu lập dự toán cũng như quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, gồm:

(1) Có ý kiến đánh giá về thời gian xây dựng dự toán quá ngắn, chỉ trong 01 tháng (tháng 7), trong khi việc tổng hợp dự toán nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối nên khó khăn cho đơn vị.

(2) Có ý kiến đánh giá yêu cầu lập dự toán quá chi tiết, từng nội dung, nhiệm vụ, theo mục lục ngân sách nhà nước, phải có quyết định phê duyệt; trong khi việc dự kiến cho cả năm tới là rất khó khăn, nhất là các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh.

(3) Có ý kiến đánh giá các cơ quan, đơn vị chuyên môn phải báo cáo nhu cầu kinh phí với các cơ quan tài chính, phê duyệt các đề xuất nhiệm vụ; tuy nhiên, cơ quan tài chính không có thông tin trao đổi lại về dự kiến mức phân bổ kinh phí, dẫn đến thiếu sự chủ động, không phối hợp kịp thời trong quá trình giải trình, bổ sung hồ sơ. Kinh phí giao thường không phù hợp với nhu cầu đề xuất triển khai các chương trình, nhiệm vụ.

(4) Có ý kiến đánh giá việc kiểm tra phân bổ dự toán là không cần thiết, làm tăng thủ tục hành chính cho đơn vị do đã có khâu lập dự toán và có khâu kiểm soát chi về sau; cơ quan tài chính thực hiện việc kiểm tra phân bổ dự toán nhiều lần, chưa đúng quy định.

(5) Có ý kiến nêu khó khăn do chưa có cơ chế cho phép các đơn vị được chủ động dự phòng nguồn cho các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm, phải điều chỉnh dự toán nhiều lần rất phức tạp. Theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, chỉ có dự phòng chung của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương mà không có quy định về dự phòng ngân sách của từng cơ quan, đơn vị. Khi nhận được dự toán giao, các cơ quan, đơn vị phải phân bổ hết cho từng nội dung, nhiệm vụ chi; do đó, khi có nhiệm vụ mới phát sinh sẽ không có

nguồn kinh phí dự phòng để thực hiện mà phải điều chỉnh dự toán từ nhiệm vụ này sang nhiệm vụ khác, từ đơn vị trực thuộc này sang đơn vị trực thuộc khác để đảm bảo nguồn.

3.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Luận án đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính đánh giá kết quả tác động của từng nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ cụ thể (*như: Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam VNSAT; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn và một số nhiệm vụ, nội dung khác hỗ trợ ngành nông nghiệp...*); đã thực hiện điều tra, khảo sát, tổng hợp ý kiến đánh giá của 444 đối tượng thụ hưởng và 105 cán bộ, công chức cơ quan nhà nước có liên quan theo các tiêu chí đánh giá đã đề ra tại Chương trước, đồng thời, sử dụng mô hình hàm sản xuất dựa trên dữ liệu thứ cấp về tăng trưởng ngành nông nghiệp và chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp để đánh giá kết quả tác động của từng nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu đạt được như sau:

3.2.1. Kết quả nghiên cứu đạt được

Thứ nhất, trong giai đoạn nghiên cứu, ngành Nông nghiệp thể hiện vai trò quan trọng, đóng góp chung vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp khác nhau qua từng năm, nhưng đều tăng trưởng dương và xoay quanh mức ổn định trên dưới 3%/năm.

Thứ hai, Nhà nước đã triển khai thực hiện rất nhiều nội dung hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp, cụ thể hóa thành chiến lược phát triển dài hạn, các chế độ, chính sách, các chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nội dung chi ngân sách nhà nước hỗ trợ ngành nông nghiệp đều được đánh giá là cần thiết, ban hành đầy đủ, hỗ trợ tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất nông nghiệp.

Thứ ba, thể chế pháp luật về tài chính, ngân sách ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, là yếu tố quan trọng đảm bảo tính hiệu quả thực thi các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp.

Thứ tư, trong giai đoạn nghiên cứu, quy mô chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp còn hạn chế. Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp trong tổng chi ngân sách nhà nước có xu hướng giảm mạnh, từ mức 3-5% trong các năm đầu giai đoạn nghiên cứu, giảm còn khoảng 1% những năm gần đây cho thấy những khó khăn trong việc cân đối nguồn lực cho mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Thứ năm, sử dụng các phương pháp nghiên cứu cả định tính và định

lượng cho thấy có cơ sở kết luận các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp tác động thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp, tuy nhiên, mức độ tác động khác nhau giữa các nội dung chi.

Sử dụng mô hình kinh tế lượng cho kết quả các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp có tác động khoảng 5% đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp, khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của OECD như đã nêu tại phần tổng quan. Đánh giá từng nội dung chi, các nội dung chi hỗ trợ thông tin tuyên truyền, hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất và hỗ trợ trực tiếp các hoạt động kinh tế nông nghiệp có bằng chứng định lượng khẳng định tác động thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, với mức tác động lần lượt là 7,8%, 9,6% và 4,1%; trong khi đó, chưa có cơ sở kết luận đối với các nội dung chi hỗ trợ giáo dục, đào tạo nghề và chi hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật do không có ý nghĩa thống kê đối với biến phụ thuộc trong mô hình kinh tế lượng. Điều này gợi mở cho các cơ quan hoạch định chính sách về sự cần thiết của việc rà soát, đánh giá lại hiệu quả sử dụng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, lựa chọn đối tượng, mục tiêu hỗ trợ cho ngành nông nghiệp có chọn lọc, trọng tâm trọng điểm để có điểm đột phá trong sản xuất nông nghiệp, tránh tình trạng đầu tư dàn trải sẽ khó mang lại tác động tổng thể.

3.3.2. Hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu về chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp do cơ quan nhà nước thiết lập, chuẩn hóa.

Thứ hai, quá trình triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp còn hạn chế. Một bộ phận đối tượng thụ hưởng cho rằng việc tiếp cận sự hỗ trợ của Nhà nước là chưa thực sự thuận lợi, dễ dàng. Kết quả khảo sát cho thấy sự cần thiết phải đánh giá lại một cách khách quan, đầy đủ về hoạt động thực hiện chính sách trong các cơ quan nhà nước, đổi mới tư duy và phương thức làm việc, gắn trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, cá nhân có liên quan.

Thứ ba, thể chế pháp luật về quy trình ngân sách có nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong thực thi. Một số hạn chế đặt ra như: Thiếu các quy định về việc phân bổ ngân sách gắn với kết quả đầu ra, sản phẩm cuối cùng và hiệu quả sử dụng kinh phí; một số quy định mốc thời gian trong quy trình ngân sách chưa phù hợp thực tiễn; quy định về yêu cầu lập dự toán kinh phí thiếu tính thực tiễn, khó khăn trong tuân thủ; có sự chồng chéo phát sinh nhiều thủ tục trong yêu cầu về hồ sơ, thủ tục lập dự toán, kiểm tra phân bổ, kiểm soát chi ngân sách...

Thứ tư, thiếu các cam kết trong phân bổ nguồn lực chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, làm mất tính chủ động cho cơ quan thực thi.

Thứ năm, mức bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp

còn thấp, xu hướng giảm dần các năm gần đây.

Thứ sáu, cơ chế phân cấp ngân sách giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hiện hành còn bất cập, giảm khả năng điều tiết nguồn lực của Trung ương, thiếu cơ chế điều hòa nguồn lực giữa các địa phương.

Thứ bảy, thiếu khuôn khổ pháp lý xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn, xác định nguồn ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp.

Thứ tám, chưa có cơ chế đánh giá, chế tài gắn trách nhiệm giữa việc sử dụng ngân sách nhà nước với kết quả tác động mang lại cho ngành nông nghiệp.

CHƯƠNG 4

BỐI CẢNH VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP PHÙ HỢP CHO TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP TỚI NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. BỐI CẢNH DỰ BÁO ẢNH HƯỞNG ĐẾN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới và khu vực được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp. Xung đột địa chính trị, kinh tế thương mại, an ninh quốc phòng và khoa học công nghệ gia tăng. Tăng trưởng kinh tế thế giới chưa cho thấy dấu hiệu đột phá; thương mại và đầu tư quốc tế còn nhiều khó khăn.

4.1.2. Tình hình trong nước

Sau 40 năm đổi mới, thế và lực của đất nước đã được cải thiện mạnh mẽ. Hoà bình, ổn định chính trị, đảm bảo các cân đối vĩ mô, chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu dịch chuyển sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế, nguy cơ tụt hậu, trình độ khoa học, công nghệ, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội rất lớn trong khi cân đối ngân sách khó khăn...

4.1.3. Những cơ hội, thuận lợi cho quá trình phát triển nông nghiệp

a) Cơ hội từ bên ngoài

Thứ nhất, xu thế hòa bình, hợp tác vẫn là chủ đạo. Hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là cơ hội cho ngành nông nghiệp của Việt Nam có thể tiếp cận với các thị trường thế giới, mở rộng hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, cũng như thu hút các dòng vốn đầu tư của nước ngoài.

Thứ hai, cuộc cách mạng 4.0 diễn ra nhanh chóng trong tất cả các ngành, lĩnh vực, là cơ hội để nông nghiệp Việt Nam có thể đi tắt, đón đầu áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới vào sản xuất nông nghiệp,

góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản, hướng tới mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững.

Thứ ba, cạnh tranh trên thị trường quốc tế là động lực thúc đẩy ngành nông nghiệp Việt Nam phải chuyển biến nhanh, cơ cấu lại ngành, nghề, tuân thủ các quy định nghiêm ngặt của các nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, quy trình sản xuất nông sản...

b) Cơ hội từ bên trong

Thứ nhất, Việt Nam có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành nông nghiệp đa dạng vật nuôi, cây trồng và các nông sản khác.

Thứ hai, quan tâm hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ, là căn cứ chính trị, kim chỉ nam cho các cấp, các ngành trong triển khai, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, chương trình, nội dung hỗ trợ ngành nông nghiệp.

Thứ ba, thể chế pháp luật ngày càng được hoàn thiện, bãi xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của các ngành nghề, trong đó có nông nghiệp. Việc triển khai xây dựng, ban hành đồng bộ các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia là tiền đề để xây dựng các quy hoạch cho ngành nông nghiệp.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế ổn định, đạt được nhiều thành tích trong những năm gần đây, an ninh, an toàn tài chính quốc gia được đảm bảo; cân đối ngân sách nhà nước bền vững hơn, kiểm soát bội chi, nợ công trong phạm vi cho phép, thêm dư địa về nguồn lực để Nhà nước có thể đầu tư hỗ trợ tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Thứ năm, ngành nông nghiệp Việt Nam duy trì được đà tăng trưởng ổn định, khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước, là điều kiện quan trọng huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành.

Thứ sáu, các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, chương trình, dự án hỗ trợ ngành nông nghiệp được xây dựng, ban hành đồng bộ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và có tầm nhìn dài hạn là yếu tố tích cực hỗ trợ ngành nông nghiệp.

4.1.4. Khó khăn, thách thức đối với ngành nông nghiệp Việt Nam

a) Khó khăn nội tại

Thứ nhất, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng lực cạnh tranh quốc gia còn yếu, năng suất, chất lượng của lực lượng lao động còn thấp; chậm cải tiến, đổi mới các quy trình sản xuất, trong đó có ngành nông nghiệp.

Thứ hai, áp lực cạnh tranh lớn từ các nông sản ngoại nhập, giá thành tốt và phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người dân.

Thứ ba, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường,... tác

động nghiêm trọng đến tình hình sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, việc tăng chi ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp là rất khó trong bối cảnh nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế.

Thứ năm, ngành nông nghiệp Việt Nam còn chịu nhiều ảnh hưởng từ các tập quán sản xuất từ lâu đời, nhỏ lẻ, tự phát, chưa gắn với các quy hoạch phát triển ngành, chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của từng vùng sản xuất.

b) Khó khăn từ bên ngoài

Thứ nhất, cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng trực diện hơn, chiến tranh thương mại, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng,... tác động lớn đến kinh tế thế giới.

Thứ hai, khoa học công nghệ thay đổi nhanh chóng đặt ra thách thức lớn về đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ ba, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, với các quy định, tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế, nông nghiệp Việt Nam đứng trước sức ép cạnh tranh toàn cầu rất lớn.

Thứ tư, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng đã thu hẹp không gian phát triển ngành nông nghiệp, tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề cho nông nghiệp.

4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP PHÙ HỢP CHO TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, những hạn chế, khó khăn đã nêu tại Chương 3, Luận án đề xuất thực hiện một số nhiệm vụ với các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường các tác động tích cực của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp như sau:

4.2.1. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp phục vụ công tác thống kê, nghiên cứu, đánh giá, hoạch định chính sách

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng sổ tay hướng dẫn thống kê số liệu chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, để thực hiện chung trong cả nước. Đồng thời, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, đảm bảo tối thiểu một số trường dữ liệu như: tổng chi trong cả nước; chi theo từng vùng, miền, địa phương; chi theo từng nội dung hỗ trợ; chi theo từng đối tượng thụ hưởng; theo thời gian... Các số liệu cần thường xuyên được cập nhật, phân cấp triển khai cho các đơn vị và đảm bảo khả năng truy cập phục vụ công tác quản lý, điều hành.

4.2.2. Hoàn thiện thể chế pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước,

đổi mới quy trình ngân sách

Kiến nghị Bộ Tài chính nghiên cứu việc sửa đổi Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó:

(1) Điều chỉnh lại các mốc thời gian trong quy trình ngân sách để đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện:

- *Đối với quá trình lập dự toán*: Chuyển đổi thể thức văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán từ thể thức là Thông tư thành văn bản hành chính thông thường, như vậy có thể tiết kiệm đến **105 ngày** theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, quy định thời gian ban hành văn bản hướng dẫn sớm hơn, có thể từ thời điểm kết thúc quý I (01/4) – sớm hơn **45 ngày** so với hiện hành để tăng thời gian thực hiện các khâu lập dự toán.

- *Đối với quá trình tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước*: kiến nghị cho phép các cơ quan, đơn vị được điều chỉnh dự toán đến tận thời điểm 31/12 (kết thúc năm). Đồng thời, giao thẩm quyền cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được quyết định và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh dự toán; bãi bỏ việc phải gửi cơ quan tài chính kiểm tra để giảm thủ tục hành chính.

(2) Rà soát, đơn giản hóa các yêu cầu về hồ sơ, thủ tục đề xuất dự toán căn cứ các văn bản giao nhiệm vụ, chương trình công tác, kế hoạch hoạt động của cơ quan, đơn vị mà không nhất thiết phải ban hành thành quyết định phê duyệt nhiệm vụ. Đồng thời, bãi bỏ quy trình kiểm tra phân bổ dự toán. Việc kiểm soát hồ sơ, thủ tục, đảm bảo đầy đủ quyết định phê duyệt, hợp đồng, đúng chế độ chi tiêu đã có khâu kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước.

(3) Kiến nghị cho phép các cơ quan, đơn vị được dành một khoản kinh phí dự phòng trong tổng số dự toán được giao để chủ động cho các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm. Tỷ lệ này có thể ở mức khoảng 2 – 4% dự toán giao.

(4) Tăng cường tính pháp lý cho việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước giai đoạn trung hạn 03 năm, hoặc có cơ chế cam kết của cơ quan tài chính trong việc bố trí nguồn lực trung hạn cho các ngành, lĩnh vực. Thực hiện như trên sẽ tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong việc xác định rõ lộ trình, nguồn kinh phí để thực hiện các nội dung chi hỗ trợ ngành nông nghiệp. Hằng năm, trên cơ sở số trần chi đã được thông báo từ trước, các cơ quan chỉ cần phối hợp với Bộ Tài chính để rà soát phần kinh phí tăng thêm/giảm đi so với kế hoạch 03 năm đã giao nếu có phát sinh đột xuất, đơn giản quy trình và tiết kiệm thời gian thảo luận hơn rất nhiều quy trình hiện nay (hằng năm đều phải rà soát lại toàn bộ nhu cầu chi tiêu).

4.2.3. Tăng mức bố trí ngân sách nhà nước cho nông nghiệp dựa trên các giải pháp tăng cường quản lý thu, cải thiện khả năng cân đối ngân sách

nhà nước và đổi mới nguyên tắc phân bổ chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp

(1) Quyết liệt thực hiện các giải pháp quản lý thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, rà soát lại các chính sách thuế, phí, các chế độ ưu đãi hiện hành đối với tất cả các ngành, nghề theo hướng thu hẹp phạm vi đối tượng, tránh dàn trải, cào bằng để đảm bảo nguồn cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ tăng trưởng ngành nông nghiệp.

(2) Sửa đổi cơ chế phân cấp ngân sách hiện hành, chuyển từ phân cấp theo tỷ lệ % số thu sang phương thức phân cấp nguồn lực theo dự toán chi cho địa phương phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung cơ chế điều tiết hài hòa giữa các địa phương nhằm mục tiêu hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp.

(3) Hoàn thiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, bổ sung thêm một số quy định trong nguyên tắc phân bổ, như: yêu cầu phân bổ chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp tăng lên hàng năm tương đương với tốc độ tăng trưởng kinh tế hoặc tương đương tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước nói chung của địa phương, có tiêu chí phụ để phân bổ thêm nguồn lực cho các địa phương trọng điểm nông nghiệp ...

4.2.4. Rà soát, cơ cấu lại các nội dung chi ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp theo hướng Nhà nước có trọng tâm, trọng điểm gắn với tiềm năng lợi thế của từng vùng, miền

4.2.5. Bổ sung các quy định về thẩm quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc thực thi các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp

4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc phân bổ, sử dụng chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp; có cơ chế khen thưởng, động viên và chế tài xử lý các vi phạm trong việc thực hiện các nội dung chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp

4.2.7. Nghiên cứu hoàn thiện các điều kiện cần thiết chuyển sang quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hệ thống định mức kỹ thuật – kinh tế, định mức chi phí gắn với mỗi đơn vị sản phẩm ngành nông nghiệp; chuyển đổi sang quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra, thực hiện khoán kinh phí, đề xuất cơ chế thưởng/phạt, trách nhiệm người đứng đầu gắn với kết quả.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp là vấn đề mang tính chính sách kinh tế - xã hội quan trọng đối với các quốc gia. Kết quả nghiên cứu Luận án rút ra được một số kết luận như sau:

(1) Hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp là chủ trương xuyên suốt của Đảng, được Nhà nước quan tâm thực hiện. Nội dung hỗ trợ tương đối đầy đủ, toàn diện và bao quát hoạt động nông nghiệp. Tuy nhiên, mức bố trí chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp có xu hướng giảm rõ rệt về tỷ trọng trong tổng chi ngân sách cho thấy khó khăn trong việc cân đối nguồn lực.

(2) Sử dụng phương pháp điều tra khảo sát cho thấy việc xây dựng, ban hành các nội dung hỗ trợ nông nghiệp là phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn hạn chế, chưa hoàn toàn dễ tiếp cận.

(3) Sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết quả thực hiện một số chương trình, dự án cụ thể hỗ trợ ngành nông nghiệp cho thấy các nội dung hỗ trợ của Nhà nước có tác động tích cực hỗ trợ tăng sản lượng, chất lượng nông sản, giảm chi phí từ đó thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp.

(4) Sử dụng mô hình kinh tế lượng cho thấy các nội dung chi thông tin tuyên truyền, chi đầu tư hạ tầng và chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế nông nghiệp có tác động thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp, khoảng từ 4 – 9%, kết quả này khá tích cực và tương đồng với nghiên cứu của OECD đã chỉ ra trước đây.

Đối với các nội dung chi khoa học công nghệ và chi giáo dục, đào tạo, dạy nghề trong nông nghiệp, chưa có bằng chứng định lượng về tác động tích cực thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu này một phần do quy mô chi ngân sách nhà nước cho các nội dung này còn khá ít nên chưa thể đánh giá định lượng tác động mang lại. Tuy nhiên, vai trò và tầm quan trọng của các nội dung này là không thể phủ nhận trong bối cảnh hiện nay.

Nhà nước cần tiếp tục quan tâm, tăng quy mô đầu tư cho ngành nông nghiệp gắn với việc giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, cơ cấu lại các nội dung, nhiệm vụ chi có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm đẩy mạnh hơn nữa thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp mạnh hơn. Chưa có bằng chứng cho thấy chi ngân sách nhà nước là cản trở quá trình tăng trưởng ngành nông nghiệp.

(5) Quy trình lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp thực hiện chung theo pháp luật về ngân sách nhà nước, ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, cũng bộc lộ những điểm khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

(6) Luận án đã nhận diện một số vấn đề tồn tại, khó khăn, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị trực tiếp vào việc đề xuất sửa đổi Luật ngân sách nhà nước và cơ cấu lại các nội dung chi ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp.

Luận án đã gợi mở một số điểm có giá trị cho các nghiên cứu và trong tổ chức thực hiện chính sách; một số kiến nghị đã được nghiên cứu sinh kịp thời đề xuất trong quá trình công tác, được cơ quan quản lý nhà nước tiếp thu trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 thông qua tại kỳ họp 10 Quốc hội XV vừa qua. Điều này cho thấy các nội dung kiến nghị đã bám sát những vấn đề của thực tiễn.

Từ những phát hiện trong Luận án này, hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh trong giai đoạn tiếp theo sẽ tập trung vào (i) tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chi tiết hơn việc hoàn thiện thể chế pháp luật về tài chính – ngân sách, sửa đổi chi tiết các chế độ, định mức chi tiêu cho ngành nông nghiệp hiện hành (ii) tiếp tục nghiên cứu, đo lường cụ thể hơn tác động của từng nội dung chi cho từng khu vực kinh tế nông nghiệp, nhất là trong bối cảnh sắp xếp lại các tỉnh/thành phố, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tạo động lực mở rộng không gian phát triển, thay đổi tư duy quản lý và phương thức thực hiện nhiệm vụ (iii) tập trung phân tích nội hàm chính sách, sửa đổi bổ sung hệ thống chính sách hỗ trợ nông nghiệp hiện hành để phát huy tốt hơn các tác động tích cực của chi ngân sách nhà nước đối với tăng trưởng nông nghiệp.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Trọng Khánh (2020), “Phân tích mối quan hệ chi tiêu công với tăng trưởng ngành nông, lâm, ngư nghiệp”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo* (09, tháng 03/2020).
2. Nguyễn Trọng Khánh (2020), “Nhân tố tác động đến tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (kỳ 1 – tháng 03/2020).
3. Nguyễn Trọng Khánh (2024), “Khung phân tích về tác động của chi ngân sách nhà nước đến tăng trưởng ngành nông nghiệp”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (số 07, tháng 04/2024).
4. Nguyễn Trọng Khánh (2024), “Đánh giá tác động của chi ngân sách nhà nước cho nông nghiệp đến tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (số 08, tháng 04/2024).